

Số: 35/TB-THVLB

Bình Chánh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B thông báo tổ chức niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

- Thời gian niêm yết: niêm yết công khai liên tục từ ngày 15/01/2025 đến ngày 14/02/2025.

- Thành phần hồ sơ niêm yết: Quyết định số: 33/QĐ-THVLB ngày 15 tháng 01 năm 2025 của trường Tiểu học Vĩnh Lộc B về công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

- Địa điểm niêm yết: tại bảng công khai tài chính trường Tiểu học Vĩnh Lộc B.

Trên đây là Thông báo của trường Tiểu học Vĩnh Lộc B./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Số: 33/QĐ-THVLB

Bình Chánh, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 13235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B, chi tiết tại các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH LỘC B

Chương: 622-072

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-THVLB ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B)
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường Tiểu học Vĩnh Lộc B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024, như sau:

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		-		
I	Số thu phí, lệ phí		-		
1	Lệ phí		-		
	Lệ phí...		-		
	Lệ phí...		-		
2	Phí		-		
3	Thu sự nghiệp		8.261		
3.1	Thu học phí		-		
	Thu học phí		-		
3.2	Thu thoả thuận		4.170		
3.2.1	Tổ chức học 2 buổi		-		
3.2.2	Tiếng Anh tự chọn		286		
3.2.3	Tin học tự chọn		144		
3.2.4	Kỹ năng sống		1.200		
3.2.5	Tiếng Anh có Giáo viên bản ngữ		1.415		
3.2.6	Tổ chức phục vụ bán trú		694		
3.2.7	Thiết bị, vật dụng bán trú		95		
3.2.8	Phổ cập bơi lội		128		
3.2.9	Tin học quốc tế IC3		209		
3.3	Thu hộ		3.909		
3.3.1	Ăn trưa		1.881		
3.3.2	Sữa học đường		-		
3.3.3	Nước Uống		164		
3.3.4	Giấy thi		32		
3.3.5	Học bạ		0		
3.3.6	Sổ liên lạc		-		
3.3.7	BHYT		1.431		
3.3.8	CSSK ban đầu		2		
3.3.9	BHTN		2		
3.3.10	Học phẩm-Phù Hiệu		2		
3.3.11	SLL điện tử		232		



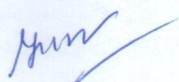
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.3.12	Thù lao BHYT		20		
3.3.13	Thai sản		-		
3.3.14	Khuyến học		-		
3.3.15	Cơ sở vật chất		-		
3.3.16	Tài trợ		97		
3.3.17	BHXX hoàn trả		-		
3.3.18	Khám sức khỏe học sinh		47		
3.4	Thu khác		182		
	Căn tin		182		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		8.573		
1	Chi sự nghiệp.....		-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-		
2	Chi quản lý hành chính		-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		-		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-		
3	Chi sự nghiệp		8.573		
3.1	Chi học phí		-		
	Chi học phí		-		
3.2	Chi thỏa thuận		4.286		
3.2.1	Tổ chức học 2 buổi		-		
3.2.2	Tiếng Anh tự chọn		286		
3.2.3	Tin học tự chọn		144		
3.2.4	Kỹ năng sống		1.200		
3.2.5	Tiếng Anh có Giáo viên bản ngữ		1.415		
3.2.6	Tổ chức phục vụ bán trú		694		
3.2.7	Thiết bị, vật dụng bán trú		95		
3.2.8	Phổ cập bơi lội		243		
3.2.9	Tin học quốc tế IC3		209		
3.3	Chi hộ		4.105		
3.3.1	Ăn trưa		2.047		
3.3.2	Sữa học đường		1		
3.3.3	Nước Uống		164		
3.3.4	Giấy thi		32		
3.3.5	Học bạ		5		
3.3.6	Sổ liên lạc		5		
3.3.7	BHYT		1.431		
3.3.8	CSSK ban đầu		35		
3.3.9	BHTN		-		
3.3.10	Học phẩm-Phù Hiệu		1		
3.3.11	SLL điện tử		225		
3.3.12	Thù lao BHYT		-		
3.3.13	Thai sản		4		
3.3.14	Khuyến học		13		
3.3.15	Cơ sở vật chất		1		
3.3.16	Tài trợ		96		
3.3.17	BHXX hoàn trả		-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.3.18	Khám sức khỏe học sinh		43		
3.4	Chi khác		182		
	Căn tin		182		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước		-		
I	Lệ phí		-		
	Lệ phí...		-		
	Lệ phí...		-		
2	Phí		-		
	Phí ...		-		
	Phí ...		-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		15.309		
I	Nguồn ngân sách trong nước		15.309		
1	Chi quản lý hành chính		-		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		-		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-		
2.1	nghệ		-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		-		
2.2	năng		-		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		15.309		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		14.687		
6001	Lương theo ngạch, bậc		4.465		
6101	Phụ cấp chức vụ		82		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		1.529		
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc		10		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		494		
6201	Thưởng thường xuyên		226		
6299	Chi khác		26		
6301	Bảo hiểm xã hội		894		
6302	Bảo hiểm y tế		158		
6303	Kinh phí công đoàn		101		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		53		
6349	Các khoản đóng góp khác		26		
6449	Chi khác		4.598		
6501	Tiền điện		182		
6502	Tiền nước		116		
6503	Tiền nhiên liệu		6		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường		22		
6551	văn phòng phẩm		42		
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng		48		
6599	Vật tư văn phòng khác		18		
6605	hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng		21		
6608	chí thư viện		2		
6757	Thuê lao động trong nước		812		



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6799	Chi phí thuê mướn khác		85		
6907	Nhà cửa		58		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		30		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng		12		
6921	Đường điện, cấp thoát nước		24		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		39		
6999	Tài sản và thiết bị khác		43		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		68		
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động		6		
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		38		
7049	Chi khác		281		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		10		
7799	Chi các khoản khác		9		
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		42		
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi		4		
7953	Chi lập Quỹ khen thưởng		4		
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		8		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		622		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		335		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		123		
6149	Phụ cấp khác		-		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		10		
6449	Chi khác		153		

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Ngọc Thi

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân